

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Đà Nẵng , tháng 03 năm 2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Đà Nẵng, tháng 03 năm 2016

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

NĂM 2015

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát :

+Tên giao dịch : **Công ty cổ phần xây dựng điện vneco1**

+Vốn điều lệ/ : 30.000.000.000,0đ

+Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 30.000.000.000,0đ

+Địa chỉ : Số 489 Nguyễn Lương Bằng, P.Hoà Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

+Số điện thoại : 0511 .3772001

+Số Fax : 0511 .3772006

+Website : VNECO1.com.vn

+Mã chứng khoán niêm yết : VE1

+Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 tiền thân là Công ty xây lắp điện 3.1 được thành lập theo quyết định số 158/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển Công ty xây lắp điện 3.1 thành Công ty cổ phần xây lắp điện 3.1. Ngày 20/03/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 theo quyết định số 54 QĐ/XLĐ3.1-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây lắp điện 3.1. Công ty được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203000512 lần thứ nhất vào ngày 31/12/2004, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 02/03/2010.

+Niêm yết :

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 04/09/2008.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

+Ngành nghề kinh doanh:

Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;

Sản xuất thiết bị, phụ kiện;

Khai thác và kinh doanh cát, đá, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng khác;

Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới;

Kinh doanh xuất nhập khẩu: Vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công, vận tải hàng hoá;

Sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;

Chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

Sản xuất các sản phẩm bê tông;

Kinh doanh xăng dầu;

Đầu tư nhà máy điện độc lập;

Sản xuất và kinh doanh điện;

+Địa bàn kinh doanh :

Trong năm tài chính, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện trên khắp cả nước;

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

+Mô hình quản trị :

Hệ thống quản trị công ty được thực hiện theo phương pháp trực tuyến, chỉ đạo từ trên xuống dưới, theo định kỳ quy định của pháp luật Công ty tiến hành đại hội đồng cổ đông, đại hội bầu hội đồng quản trị và ban kiểm soát, hội đồng quản trị bầu chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT đề cử Ban điều hành và thành lập các phòng ban công ty.

+Cơ cấu bộ máy quản lý :

Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, HĐQT, BKS bầu chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát. Chủ tịch HĐQT đề cử Ban giám đốc điều hành công ty.

Công ty bao gồm các phòng ban công ty, 06 đội sản xuất và 01 xưởng cơ khí.

Văn phòng công ty, các đội sản xuất và xưởng cơ khí đóng trụ sở tại thành phố Đà Nẵng.

+Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

4. Định hướng phát triển:

+Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Hàng năm Công ty phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân trên 10%.

+Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Công ty sẽ phát triển đa ngành, đa nghề, phát triển trong lĩnh vực văn hoá, du lịch, sản xuất công nghiệp, dân dụng,

đầu tư các nhà máy điện độc lập , sản xuất và kinh doanh điện , kinh doanh bất động sản, xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê.

+Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường ,xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty: Trên cơ sở phát triển đa ngành nghề trong các lĩnh vực văn hoá , xã hội, du lịch sản xuất công nghiệp ... công ty luôn đặt mục tiêu giữ vững trong sạch môi trường, thực hiện tốt các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm trong sản xuất công nghiệp cũng như trong đời sống văn hoá xã hội.

5.Các rủi ro:(Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty , trong đó có rủi ro về môi trường):Tình hình kinh tế xã hội của đất nước có nhiều biến động , giá cả vật liệu ngày càng leo thang, công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm diễn ra cạnh tranh khốc liệt , các loại vật liệu chính như xi măng, cát đá...thường ảnh hưởng đến môi trường nên giá cả tăng cao , có một số nơi khan hiếm loại vật liệu này.

II.TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1.Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

+Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	% so với TH 2014	% so với KH 2015
1	Doanh thu bán hàng& cung cấp DV	29 962 248 030	41.620.000.000	46 499 154 130	1,55	1,12
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	55 953 979				
3	Doanh thu thuần về bán hàng & CC DV	29 906 294 051	41.620.000.000	46 499 154 130	1,55	1,12
4	Giá vốn hàng bán	25 212 519 767		38 034 065 576	1,51	
5	LN góp về bán hàng & cung cấp DV	4 693 774 284		8 465 088 554	1,80	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	339 651 987		220 546 222	0,65	
7	Chi phí tài chính	- 103 574 371		9 638 158		
8	Chi phí bán hàng					
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3 098 459 550		3 883 757 647	1,25	
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2 038 541 092		4 792 238 971	2,35	
11	Thu nhập khác	4 721 500 910		372 170 047	0,08	
12	Chi phí khác	2 161 297 375		624 668 371	0,29	
13	Lợi nhuận khác	2 560 203 535		- 252 498 324	-0,10	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4 598 744 627		4 539 740 647	0,99	
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành			796 809 741		
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4 598 744 627	3.000.000.000	3 742 930 906	0,81	1,25

+Những thay đổi chủ yếu trong năm (Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp);

+Tình hình thực hiện so với kế hoạch:(So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 vượt 112% so với kế hoạch đặt ra và vượt 155% so với thực hiện của năm 2014. Điều đó khẳng định sự nỗ lực của ban điều hành công ty trong việc tìm kiếm việc làm. Năm 2015 tình hình đấu thầu cạnh tranh gay gắt hơn, các ban quản lý dự án có xu hướng mở các gói thầu lớn, đòi hỏi năng lực cao nhưng công ty đã tính toán kỹ các gói thầu phù hợp với năng lực, tính toán giá cả phải chăng để mức lãi vừa phải và trúng nhiều công trình, tạo doanh thu, thu nhập cho Công ty. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ vượt thực hiện 2014 là 180% đã khẳng định được Hội đồng quản trị, ban giám đốc đã điều hành linh hoạt trong việc thanh toán, thu hồi vốn, chỉ đạo sát sao quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và tiết kiệm chi phí do đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt tương đối cao. Đạt 235% so với thực hiện của năm 2014, và đạt 125% so với kế hoạch đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

+Danh sách ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Cơ cấu tổ chức hiện nay của Công ty bao gồm 01 trụ sở chính, 06 đội sản xuất và 01 xưởng cơ khí

Trụ sở của Công ty : số 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hoà Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại : 0511.3772001, 3772005, 3772006, 3772007

Fax :0511.3772006

Email :VNECO1@Gmail.com

Website :VNECO1.COM.VN

Các đội sản xuất và xưởng cơ khí có văn phòng tại 493 Nguyễn Lương Bằng, phường Hoà Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:

Ông :Trần Hoàng Bính

Giới tính : Nam

Năm sinh :16/08/1966

Nơi sinh :Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An

Quốc tịch :Việt Nam

Dân tộc : Kinh
Quê quán :Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
Địa chỉ thường trú :Hoà Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng
Số CMDN :201.661.471 do CA Đà Nẵng cấp ngày 12/08/2010
Tình độ văn hoá :10/10
Trình độ chuyên môn :Đại học ngành phát dẫn điện -Bộ Năng Lượng
Chức vụ hiện nay :CT HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Ông :Phan Đức Vinh
Giới tính : Nam
Năm sinh :21/02/1962
Nơi sinh :Đức Sơn, Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch :Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán :Đức Sơn, Đức Thọ, Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú :43 Trần Cao Vân, Thanh Khê , Đà Nẵng
Số CMDN :201.441.445 do CA Đà Nẵng cấp ngày 04/01/2006
Tình độ văn hoá :10/10
Trình độ chuyên môn :Kỹ sư điện
Chức vụ hiện nay :UV HĐQT kiêm P.Giám đốc Công ty

Ông :Đoàn Tuấn Anh
Giới tính : Nam
Năm sinh :18/11/1967
Nơi sinh :Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình
Quốc tịch :Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán :Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình
Địa chỉ thường trú :K32/25 Thanh Sơn, Hải Châu, TP Đà Nẵng
Số CMDN :201.547.294 do CA Đà Nẵng cấp ngày 12/10/2004
Tình độ văn hoá :10/10
Trình độ chuyên môn :Đại học kinh tế-ngành Kế toán Doanh Nghiệp
Chức vụ hiện nay :Kế toán trưởng Công ty

+Những thay đổi trong ban điều hành:

+Số lượng cán bộ , nhân viên .Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Quyền lợi của ban giám đốc :Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được thực hiện theo quy chế tiền lương của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1

Phân loại theo trình độ người lao động	31/12/2014 (người)	Tỷ lệ %	31/12/2015 (người)	Tỷ lệ %
Đại học và trên đại học	19	22	21	28
Cao đẳng	1	1	2	3
Trung cấp	9	11	9	12
Công nhân kỹ thuật	42	49	36	47
Lao động phổ thông	14	16	8	11
Tổng cộng	85	100	76	100

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (Bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã thực hiện cam kết.

b. Các công ty con, công ty liên kết (tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết):

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	TH 2014	TH 2015	% so với TH 2014
Tổng giá trị tài sản	36 659 639 248	40 945 964 417	1,12
Doanh thu thuần về bán hàng & CC DV	29 906 294 051	46 499 154 130	1,55
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2 038 541 092	4 792 238 971	2,35
Lợi nhuận khác	2 560 203 535	- 252 498 324	-0,10
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4 598 744 627	4 539 740 647	0,99
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4 598 744 627	3 742 930 906	0,81
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.568,85	1 276,89	0,81

+Các chỉ tiêu khác (tuỳ theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất):

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2014	31/12/2015	Ghi chú
1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,11	3,20	
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,02	2,82	
2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,28	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,41	0,38	
3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (GV hàng bán/Hàng tồn kho)	Vòng	25,18	9,12	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,82	1,14	
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
HS lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	15	8	
HS lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	18	13	
HS lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	13	9	
HS lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	%	7	10	

5.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a.Cổ phần :Nêu tổng số cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật , điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu .Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài , cần nêu rõ thị trường giao dịch , số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 :30.000.000.000đ

Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp;

Tổng số cổ phiếu theo từng loại(CP thường, CP ưu đãi) : 3.000.000

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, không thể chuyển đổi) : Không

Số lượng cổ phiếu PT đang lưu hành : 2.931.280

b.Cơ cấu cổ đông:Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu(cổ đông lớn , cổ đông nhỏ)cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân , cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cổ đông trong nước nắm giữ :

Cổ đông ngoài nước nắm giữ :

Cổ đông tổ chức nắm giữ :

Cổ đông lớn nắm giữ :

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng , chào bán riêng lẻ , chuyển đổi trái phiếu , chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng , trả cổ tức bằng cổ phiếu .

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại , liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch , giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Cổ phiếu quỹ hiện tại :68.720 CP

e. Các chứng khoán khác:Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm .Nêu số lượng , đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác(bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty :

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu, được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo) báo cáo kết quả của các sáng kiến này .

6.3. Tiêu thụ nước:(mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a.Số lượng người lao động :76 người , trong đó lao động nữ :8 người , mức lương trung bình đối với người lao động 6,4 triệu đồng /người.

b.Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe , an toàn và phúc lợi của người lao động:Công ty thực hiện các chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế , bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động , các loại bảo hiểm thân thể, trang bị bảo hộ lao động , thanh toán các khoản lương ốm, chế độ thai sản cho phụ nữ ...

c.Hoạt động đào tạo người lao động:

+Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm , theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

+Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

6.6.Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

+Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác , bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

6.7.Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

III.BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

(Ban giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	KH 2015	TH 2015	% so với KH 2015
1	Doanh thu bán hàng& cung cấp DV	41.620.000.000	46 499 154 130	1,12
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng & CC DV	41.620.000.000	46 499 154 130	1,12
4	Giá vốn hàng bán		38 034 065 576	
5	LN gộp về bán hàng & cung cấp DV		8 465 088 554	
6	Doanh thu hoạt động tài chính		220 546 222	
7	Chi phí tài chính		9 638 158	
8	Chi phí bán hàng			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3 883 757 647	
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD		4 792 238 971	
11	Thu nhập khác		372 170 047	
12	Chi phí khác		624 668 371	
13	Lợi nhuận khác		- 252 498 324	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4 539 740 647	
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành		796 809 741	
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.000.000.000	3 742 930 906	1,25
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
19	Cổ tức trên một cổ phiếu			

Doanh thu 2015 đạt 46,5 tỷ, cao hơn so với kế hoạch đặt ra 4,8 tỷ và vượt tỷ lệ 112% . Kết quả đạt được do sự nỗ lực không ngừng của ban điều hành cùng tập thể cán bộ công nhân viên công ty vượt qua những khó khăn nhất định về công việc làm , tình hình nguyên vật liệu khó khăn, vay vốn với lãi suất cao , người lao động biến đổi liên tục.vv...

2.Tình hình tài chính:

a.Tình hình tài sản:

TT	NỘI DUNG	01/01/ 2015	31/12/ 2015
	TÀI SẢN		
A	Tài sản ngắn hạn	33 375 048 869	35 986 798 066
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	406 122 689	1 163 631 468
II	Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	10 526 000 000	33 600
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	19 026 098 830	25 385 418 715
IV	Hàng tồn kho	1 001 457 942	4 171 625 723
V	Tài sản ngắn hạn khác	2 415 369 408	5 266 088 560
B	Tài sản dài hạn	3 284 590 379	4 959 166 351
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	3 095 290 046	4 535 679 410
1	Tài sản cố định hữu hình	1 745 290 046	3 159 179 410
-	<i>Nguyên giá</i>	8 350 684 415	10 012 100 623
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	-6 605 394 369	-6 852 921 213
2	Tài sản cố định vô hình	1 350 000 000	1 376 500 000
3	Tài sản cố định thuê tài chính		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	29 700	
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Đầu tư vào công ty liên kết,liên doanh		
3	Đầu tư dài hạn khác	75 014	
4	DP giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-45 314	
V	Tài sản dài hạn khác	189 270 633	423 486 941
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	36 659 639 248	40 945 964 417

Phân tích tình hình tài sản , biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu , tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:Giá trị tài sản trong năm tăng 4 tỷ đồng ,chủ yếu trong năm công ty có mua sắm hai chiếc xe cẩu và xe tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên.

b. Tình hình nợ phải trả:

TT	NỘI DUNG	01/01/ 2015	31/12/ 2015
	NGUỒN VỐN		
A	Nợ phải trả	10 719 589 758	11 262 984 021
I	Nợ ngắn hạn	10 719 589 758	11 262 984 021
II	Nợ dài hạn		
B	Vốn chủ sở hữu	25 940 049 490	29 682 980 396
I	Vốn chủ sở hữu	25 940 049 490	29 682 980 396
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30 000 000 000	30 000 000 000
2	Thặng dư vốn cổ phần	111 973 829	111 973 829
3	Vốn khác của chủ sở hữu		
4	Cổ phiếu quỹ	- 436 450 000	- 436 450 000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
7	Quý ĐT&PT	1 131 772 903	
8	Quý dự phòng tài chính	324 032 368	
9	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-5 191 279 610	7 456 567
10	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
II	Nguồn kinh phí và các quỹ		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	36 659 639 248	40 945 964 417

+Tình hình nợ hiện tại , biến động lớn về các khoản nợ:

+Phân tích nợ xấu phải trả , ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty , ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:Nợ phải trả trong năm tăng không đáng kể, trong khi đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên đáng kể từ âm 5,1 tỷ lên 7,4 triệu dẫn đến nguồn vốn tăng tương ứng.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức , chính sách , quản lý

4.Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ vào tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch triển khai các dự án , Công ty đặt ra mục tiêu đưa Công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề với các lĩnh vực chủ yếu : Xây dựng điện , xây dựng công nghiệp và dân dụng, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, mở rộng phương tiện vận tải, xe máy thi công sản xuất và kinh doanh điện năng , đầu tư các nhà máy điện độc lập, đẩy mạnh đầu tư bất động sản , xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê.

5.Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)-(trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Trong năm Hội đồng quản trị đã có 5 cuộc họp để đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh trong năm và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cho các kỳ tiếp theo. Các cuộc họp nhằm tìm kiếm việc làm, thu hút đầu tư và phát triển cho công ty gắn liền với phát triển môi trường và xã hội lành mạnh là ưu tiên hàng đầu trong các hoạt động chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị đã phân công các thành viên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và báo cáo kết quả trong năm 2015.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị luôn đặt chiến lược phát triển công ty lâu dài và bền vững, gắn liền với sự phát triển bền vững về môi trường và xã hội.

Căn cứ vào tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch triển khai các dự án, Công ty đặt ra mục tiêu đưa Công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện, xây dựng công nghiệp và dân dụng, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, mở rộng phương tiện vận tải, xe máy thi công sản xuất và kinh doanh điện năng, đầu tư các nhà máy điện độc lập, đẩy mạnh đầu tư bất động sản, xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị (Danh sách thành viên hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác, số lượng

chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Hội đồng quản trị có 05 thành viên :

Ông Trần Hoàng Bính	Chủ tịch	Kiên Giám đốc Công ty
Ông Phan Đức Vinh	Ủy viên	Kiên P.Giám đốc Công ty
Ông Trần Đình Điệp	Ủy viên	TP.TCLĐHC
Ông Phan Hiệp	Ủy viên	TP.KT-KH
Ông Võ Ngọc Hải	Ủy viên	TP.Kỹ thuật-an toàn

Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên hội đồng quản trị

Ông Trần Hoàng Bính Chủ tịch (Lý lịch đã có trong ban điều hành)

Ông Phan Đức Vinh Ủy viên (Lý lịch đã có trong ban điều hành)

Ông Trần Đình Điệp Ủy viên

Giới tính : Nam

Năm sinh :01/07/1960

Nơi sinh :Đức Long, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Quốc tịch :Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán :Đức Long, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú :Hoà Minh, Liên Chiểu , Đà Nẵng

Số CMDN :201.340.988 do CA Đà Nẵng cấp ngày 07/10/2010

Tình độ văn hoá :10/10

Trình độ chuyên môn :Đại học kinh tế-nghành kinh tế lao động

Chức vụ hiện nay :UV HĐQT

Ông Phan Hiệp Ủy viên

Giới tính : Nam

Năm sinh :02/02/1962

Nơi sinh :Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị

Quốc tịch :Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán :Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị

Địa chỉ thường trú :Hoà Khánh, Liên Chiểu , Đà Nẵng

Số CMDN :201.455.881 do CA Đà Nẵng cấp ngày

Tình độ văn hoá :12/12

Trình độ chuyên môn :Đại học tổng hợp

Chức vụ hiện nay :UV HĐQT

Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2015 và bàn công tác chuẩn bị Hội đồng cổ đông thường niên 2015.

+Ngày 23/03/2015 Hội đồng quản trị thống nhất nghị quyết:

Hội đồng kiểm soát lần cuối công tác chuẩn bị tổ chức Hội đồng cổ đông thường niên 2015 vào ngày 30/03/2015;

Kiểm tra công tác chuẩn bị, thông báo, hội trường.vv. để tổ chức hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 30/03/2015.

+Ngày 05/05/2015 Hội đồng quản trị thống nhất nghị quyết:

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1/2015 và xây dựng kế hoạch sản xuất của quý 2/2015 và tổ chức mua các gói thầu để đấu thầu sắp tới ở các chủ đầu tư(ban A) trong Nam, ngoài bắc, và miền trung để có thêm việc làm, doanh thu, lợi nhuận.

+Ngày 11/08/2015 Hội đồng quản trị thống nhất nghị quyết:

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2015 và 6 tháng đầu năm 2015; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2015 và tổ chức tìm kiếm việc làm từ 15 tỷ, đến 20 tỷ đồng.

+Ngày 26/10/2015 Hội đồng quản trị thống nhất nghị quyết:

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý 3/2015 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2015, đồng thời tăng cường và chú trọng công tác nghiệm thu, thanh toán các công trình.

d.Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập.Hoạt động của các tiểu ban trong hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e.Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty .Danh sách các thành viên hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2.Ban kiểm soát:

a.Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát (danh sách thành viên ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

Ban kiểm soát:

Ông :Phan Huy Nam

Trưởng ban

Bà :Chu Thị Diệu

Thành viên

Ông :Nguyễn Triều Trọng

Thành viên

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu 01/01/2015		Số cổ phiếu sở hữu 31/12/2015	
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Phan Duy Nam	TB KS	1,000	0,03	1.000	0,03
2	Chu Thị Diệu	TV BKS	2,700	0,09	2.700	0,09
3	Nguyễn Triều Trọng	TV BKS				

b. Hoạt động của ban kiểm soát (đánh giá hoạt động của ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của ban kiểm soát, nội dung và kết quả của cuộc họp).

Hàng quý, 6 tháng cả năm 2015 để kiểm tra các chức trách hoạt động của Công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, giám đốc hoặc tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Thù lao và các lợi ích khác, chi phí cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban kiểm soát:

Thù lao HĐQT, ban kiểm soát

Chủ tịch HĐQT : 3.000.000đ/tháng

Ủy viên HĐQT : 1.500.000đ/tháng

Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000đ/tháng

Thành viên ban kiểm soát : 1.000.000đ/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ (thông tin về hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát. (Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị công ty).

